TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 04-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp.

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2020/QĐST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Hiếu Thị Thúy N**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* **Lê Văn P**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ 6, ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Hiếu Thị Thúy N có mặt, ông Lê Văn P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Hiếu Thị Thúy N là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06/5/2016, bà N có cho ông P vay số tiền 200.000.000 đồng để mua đất, có làm biên nhận, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 1%/tháng, không ghi vào biên nhận, không thế chấp tài sản. Ông P có đóng lãi cho bà N được hai tháng tổng cộng số tiền 4.000.000 đồng, sau đó không đóng lãi nữa. Ông P hứa nhiều lần nhưng không trả số tiền vay và lãi cho bà N. Đến ngày 25/12/2016, bà N đến nhà ông P đòi lại số tiền đã cho ông P vay nhưng ông P không có tiền trả nên ông P hứa khi bán

đất sẽ trả tiền cho bà N và ông P lấy lại biên nhận cũ đã ký trước đây với bà N, viết lại biên nhận mới. Nội dung biên nhận mới ông P hứa sẽ bán đất để trả tiền cho bà N chậm nhất đến ngày 10/01/2017 âm lịch (ngày 06/02/2017 dương lịch) sẽ trả hết số tiền đã vay nhưng đến nay ông P vẫn chưa trả số tiền nợ cho bà N.

Tại phiên tòa, bà Hiếu Thị Thúy N yêu cầu ông Lê Văn P phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vay gốc 200.000.000 đồng theo hợp đồng vay xác lập ngày 25/12/2016, số tiền lãi tính từ ngày 06/02/2017 (ngày đến hạn trả nợ mà ông P không thực hiện việc trả nợ) cho đến ngày 11/10/2019 (ngày làm đơn khởi kiện) với mức lãi suất 0,83%/tháng là 53.120.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 253.120.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn P: Đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bên cạnh đó ông cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Biên nhận nợ (bản chính).

Các tình tiết không phải chứng minh: Bị đơn ông Lê Văn P đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông P vẫn không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn P trả lại số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 253.120.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại ấp C, xã L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay giữa các đương sự là hợp đồng vay có kỳ hạn, các bên có thỏa thuận ngày trả nợ là đến ngày 10/01/2017 âm lịch (ngày 06/02/2017 dương lịch); do đó thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 06/02/2017; căn cứ vào quy định tại Điều 429 và Điều 688 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án này vẫn còn.

[4] Bị đơn là ông Lê Văn P được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hiếu Thị Thúy N yêu cầu ông Lê Văn P phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vay gốc 200.000.000 đồng, số tiền lãi tính từ ngày 06/02/2017 (ngày đến hạn trả nợ mà ông P không thực hiện việc trả nợ) cho đến ngày 11/10/2019 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 53.120.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 253.120.000 đồng. Bà N chứng minh bằng Biên nhận nợ do ông Lê Văn P ký.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp có nội dung ông Lê Văn P có mượn chị Hiếu N 200.000.000 đồng và hứa bán đất sẽ trả chậm nhất đến ngày 10/01/2017 âm lịch, ông P có ký tên và viết họ tên Lê Văn P vào biên nhận nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông P vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời ông P cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Như vậy, việc ông Lê Văn P có vay của bà Hiếu Thị Thúy N số tiền 200.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Sau khi viết biên nhận vay tiền cho đến nay thì ông P vẫn chưa trả được số tiền còn nợ cho bà N như đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà N là có căn cứ, nên chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*"

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày trước đây khi thỏa thuận cho vay thì các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng, nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất vào biên nhận. Quá trình vay ông P có đóng lãi được hai tháng, số tiền 4.000.000 đồng. Đến ngày 25/12/2016, bà N đến nhà ông P đòi tiền, ông P lấy lại biên nhận cũ đã ký trước đây với bà N, viết lại biên nhận mới và hẹn ngày trả nợ, như vậy giữa hai bên đã thiết lập hợp đồng vay mới. Theo biên nhận, ông P sẽ bán đất để trả tiền cho bà N chậm nhất đến ngày 10/01/2017 âm lịch (ngày 06/02/2017 dương lịch) nhưng ông P không thực hiện. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 06/02/2017 đến ngày 11/10/2019 (nguyên đơn chỉ yêu cầu tính đến ngày làm đơn khởi kiện, không yêu cầu đến ngày xét xử) là 53.120.000 đồng, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1**.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hiếu Thị Thúy N. Buộc ông Lê Văn P có trách nhiệm trả cho bà Hiếu Thị Thúy N số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 53.120.000 đồng, tổng cộng là 253.120.000 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.656.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Hiếu Thị Thúy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009432 ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Văn Phong